

**ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2024-2025**

**I. Thông tin chung**

|                                                                                           |                                                                                                                                     |             |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|
| Tên học phần:                                                                             | Lý thuyết kiến trúc 2                                                                                                               |             |      |
| Mã học phần:                                                                              | 72ARTH40053                                                                                                                         | Số tín chỉ: | 3    |
| Mã nhóm lớp học phần:                                                                     | 242_72ARTH40053_01                                                                                                                  |             |      |
| Hình thức thi: <b>Đồ án/Tiểu luận (Không thuyết trình)</b>                                | Thời gian làm bài:                                                                                                                  | <b>10</b>   | ngày |
| <input checked="" type="checkbox"/> GV giao đề bài trong thời gian giảng dạy lớp học phần | <input checked="" type="checkbox"/> TT. Khảo thí thiết lập và giao đề bài trên hệ thống thi CTE theo lịch thi Phòng Đào tạo công bố |             |      |
| <input checked="" type="checkbox"/> Cá nhân                                               | <input type="checkbox"/> Nhóm                                                                                                       | Số SV/nhóm: |      |
| <b>Quy cách đặt tên file</b>                                                              | <b>Mã SV_Ho và ten SV_Tên học phần</b>                                                                                              |             |      |

**III. Nội dung đề bài**

**1. Đề bài**

1. Sưu tầm các CTCC để phân tích về các đặc điểm của kiến trúc: **Kiến trúc chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và khí hậu – Kiến trúc phản ánh và mang tính dân tộc - địa phương**. Từ đó nêu rõ tại sao KTS khi thiết kế kiến trúc cần phải phân tích đặc điểm khu đất và khu vực nghiên cứu **(0,5đ)**

2. Sưu tầm các CTCC để phân tích về các yêu cầu của kiến trúc: **Yêu cầu thích dụng và yêu cầu Thẩm mỹ**. Từ đó phân tích tại sao KTS khi thiết kế kiến trúc cần đáp ứng giá trị thích dụng trước tiên, sau đó mới đạt được giá trị thẩm mỹ sau **(0,5đ)**

3. Sưu tầm một trong ba loại CTCC có quy mô nhỏ hoặc trung bình sau: Trường Tiểu học – Bệnh viện Quận, Huyện – Nhà văn hóa, để phân tích và trình bày **Không gian giao thông: Giao thông ngang – Giao thông đứng – Đầu mối giao thông**. Sau đó hãy chỉ rõ tính chưa hợp lý của các bộ phận giao thông trong công trình đó (nếu có) **(0,5đ)**

4. Hãy vẽ sơ đồ dây chuyền sử dụng của một trong các loại công trình sau: **Phòng trưng bày và bán xe ô tô (showroom) – Trạm y tế xã, phường – Vũ trường, quán Bar**. Sử dụng màu để thể hiện các luồng giao thông. **(0.5đ)**

5. Hãy trình bày các bước thiết kế không gian mặt bằng, gồm: **Phân khu chức năng – Bộ phận chức năng chính và phụ - Tổ chức giao thông – Bố cục phòng ốc** theo dây chuyền sử dụng của một trong các loại công trình sau: **Nhà trưng bày triển lãm – Trường Tiểu học – Nhà văn hóa**. Sau đó hãy sưu tầm một công trình tương ứng với loại công trình đã chọn để phân tích các bước thiết kế nêu trên có phù hợp hay chưa phù hợp **(chú ý: câu này là bắt buộc phải thực hiện, nếu thiếu và sai thì bị rớt cả bài Tuyển chọn) (2đ)**

6. Sưu tầm 1 CTCC cho mỗi giải pháp phân khu mặt bằng theo kiểu: **Tập trung (hợp khối) – Phân tán – Liên hợp**. Sau đó dựa trên đặc điểm cơ bản của mỗi giải pháp để phân tích công trình **(0,5đ)**

7. Sưu tầm 1 CTCC cho mỗi giải pháp tổ chức không gian mặt bằng theo dạng: **Tuyến (hành lang)**

– Không gian lớn – Xuyên phòng (thông nhau) – Chùm tia (tán xạ) – Phân đoạn (đơn nguyên).

Sau đó dựa trên đặc điểm cơ bản của mỗi giải pháp để phân tích công trình (1đ)

8. Suur tầm một CTCC để phân tích để phân tích tác giả thiết kế đã sử dụng nguyên tắc thiết kế **MẶT ĐỨNG** như thế nào. Đánh giá ưu và khuyết điểm của công trình đó (0,5đ)

9. Suur tầm một trong ba CTCC tập trung đông người sau: **Hội nghị có quy mô 300 - 500 chỗ, Nhà thi đấu TDTT có quy mô 1000 – 3000 chỗ** để phân tích vấn đề thiết kế an toàn thoát người theo các nội dung: Phân vùng thoát người - Khoảng cách xa nhất (Lmax) - Chiều rộng lối thoát (CR lt) (1đ)

10. Suur tầm một CTCC để khảo sát tia nhìn và nền dốc khán phòng của một trong các công trình sau: **Hội nghị (hội thảo, hội trường) – Nhà hát - Giảng đường Đại học** (1đ)

12. Suur tầm tối thiểu 02 CTCC để minh họa cho vấn đề “**vật liệu xây dựng hoàn thiện**” là ngôn ngữ diễn tả ý tưởng thiết kế, công năng sử dụng của công trình kiến trúc (0,5đ)

13. Suur tầm các CTCC để minh họa công trình kiến trúc sử dụng các giải pháp thiết kế kết cấu Không gian nhịp lớn: **Khung phẳng chịu lực ngang – Tầm uốn gấp nếp – Dàn không gian – Mái Vò - Mái Vòm – Dây căng** (0,5đ)

14. Suur tầm 03 CTCC để minh họa và phân tích vấn đề tư duy sáng tác kiến trúc cho 3 phương pháp: **Tư duy từ hình khối, không gian sử dụng – Tư duy từ mô phỏng, phỏng sinh học – Tư duy từ yếu tố văn hóa, tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng, triết lý.** (1đ)

## 2. Hướng dẫn thể thức trình bày

1. Trang bìa: Trường – Khoa

TIỂU LUẬN CUỐI KỲ

- Học kỳ 2 – Năm học 2024 – 2025

- Học phần: Lý thuyết kiến trúc 2 – mã HP: 72ARTH40053.

- Lớp: 242\_72ARTH40053\_01.

Nội dung: “Nghiên cứu & phát triển lý thuyết của Nguyên lý thiết kế công trình công cộng bằng suur tầm và phân tích công trình kiến trúc thực tế”

- SV thực hiện: Họ & tên – Mã số SV: ....

2. Mục lục.

3. Trang bên trong: lần lượt trình bày từng chủ đề 1 đến 13. Phải trình bày câu hỏi trước khi bắt đầu phần trả lời.

4. Tài liệu tham khảo: ghi theo qui định Tên tác giả hoặc link tài liệu trên mạng (chữ in nghiêng) – Nội dung tài liệu (chữ in đứng) – Nhà xuất bản (chữ in đứng) – Năm xuất bản (chữ in đứng)

### 3. Rubric và thang điểm

| TT | Tiêu chí chung | Tiêu chí cụ thể                                             | Tỷ trọng | Thang điểm                                                                                                             |                                                                                                                     |                                                                                                                                               |                                                                                                 |
|----|----------------|-------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                |                                                             |          | Tốt (8 - 10)                                                                                                           | Khá (6 - 8)                                                                                                         | Trung bình (4 - < 6)                                                                                                                          | Yếu (< 4,0)                                                                                     |
| 1  | Kiến thức      | <i>Nội dung và cấu trúc báo cáo thu hoạch – Bài tập lớn</i> | 50%      | Hiểu và diễn giải vấn đề đạt trên 85% theo yêu cầu, nhiều nội dung mới - thông tin đảm bảo tính chính xác và khoa học. | Hiểu và diễn giải vấn đề đạt 70 - 85% theo yêu cầu - thông tin đảm bảo tính chính xác và khoa học, có 1 số sai sót. | Hiểu và diễn giải vấn đề đạt 55 - 70% theo yêu cầu - thông tin tương đối chính xác, còn 1 số nội dung chưa được chọn lọc, chưa bám sát đề tài | Hiểu và diễn giải vấn đề đạt dưới 40% theo yêu cầu - còn quá nhiều nội dung chưa được chọn lọc. |
|    |                | <i>Khả năng tư duy, và vận dụng</i>                         | 40%      | Có các đúc kết, kết luận kết quả nghiên cứu... có chất lượng, đề xuất được nội dung vận dụng thực tế.                  | Có các đúc kết, kết luận kết quả nghiên cứu... đạt yêu cầu, đề xuất được nội dung vận dụng thực tế.                 | Các đúc kết, kết luận kết quả nghiên cứu... chưa đầy đủ, các đề xuất nội dung vận dụng thực tế chưa rõ ràng.                                  | Không có các đúc kết, kết luận kết quả nghiên cứu... và các đề xuất nội dung vận dụng thực tế.  |
| 2  | Kỹ năng        | <i>Kỹ năng trình bày, thể hiện</i>                          | 10%      | Trình bày rõ ràng, ngắn gọn, có thẩm mỹ và bám sát nội dung đề tài - hình                                              | Trình bày khá rõ ràng, bám sát yêu cầu, hình ảnh, hình vẽ,...có tác dụng                                            | Trình bày tương đối rõ ràng, một số hình ảnh, hình vẽ,...chưa bám sát nội dung, một số vị trí                                                 | Trình bày không rõ ràng, câu thả, còn quá nhiều sai sót                                         |

| TT | Tiêu chí chung | Tiêu chí cụ thể | Tỷ trọng | Thang điểm                            |                                         |                          |             |
|----|----------------|-----------------|----------|---------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|-------------|
|    |                |                 |          | Tốt (8 - 10)                          | Khá (6 - 8)                             | Trung bình (4 - < 6))    | Yếu (< 4,0) |
|    |                |                 |          | ảnh, hình vẽ,...có tác dụng minh hoạ. | minh hoạ, một số vị trí còn sai sót nhỏ | còn những sai sót cơ bản |             |

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2025  
Giảng viên ra đề

Ths.KTS.GVC Châu Mỹ Anh

Ths.KTS Mai Quốc Bửu

